

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ C
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2019/HS-ST
Ngày: 19-3-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ C, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Kim Lý;

Bà Nguyễn Thị Thắm.

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Quỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 11/2019/HSST ngày 17 tháng 01 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2019/QĐ-HSST ngày 05/3/2019, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn N, sinh năm 1985, tại tỉnh Nam Định; hộ khẩu thường trú: Đội 15, xã H, huyện T, tỉnh Nam Định; chỗ ở hiện nay: Khu phố 3, phường P, thị xã C, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn N, sinh năm 1985 và bà Trần C, sinh năm 1959; có vợ là Mai H, sinh năm 1986 và 01 con sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

2. Nguyễn L, sinh năm 1983, tại tỉnh Nam Định; hộ khẩu thường trú: Đội 15, xã H, huyện T, tỉnh Nam Định; chỗ ở hiện nay: Ấp 7, xã Xuân T, huyện M, thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn N, sinh năm 1962 và bà Đoàn N, sinh năm 1962; có vợ là Nguyễn A, sinh năm 1995 và 01 con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

Bị hại: Bà Nguyễn H, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn Lý, xã S, huyện S, thành phố Hà Nội, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn N và Nguyễn H có quan hệ tình cảm với nhau. Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 11/10/2018, N điều khiển xe mô tô biển số 18P2-7450 chở H đến quán cà phê không tên trước cửa nhà hát P thuộc khu phố 3, phường P, thị xã C, tỉnh Bình Dương để uống cà phê. Trong lúc uống cà phê, H kêu N mua vòng đeo tay tặng H, H hỏi mượn N từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng, N nghĩ H lợi dụng mình nên nảy sinh ý định chiếm đoạt điện thoại di động của H. N nói dối với H cho N mượn điện thoại cho bạn đề hỏi mượn tiền, H đồng ý và đưa điện thoại hiệu Samsung galaxy J7 Pro cho N. Sau khi nhận được điện thoại, N mang về cửa hàng sắt nơi N làm việc cất giấu.

Đến khoảng 09 giờ ngày 12/10/2018, N điện thoại cho Nguyễn L nói mới nhận được điện thoại và nhờ L đi bán giùm, L đồng ý, khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, L đến quán cà phê phía sau siêu thị T thuộc khu phố 3, phường P, thị xã C nhận điện thoại từ N.

Khoảng 20 giờ ngày 12/10/2018, L dùng điện thoại của mình gọi vào số 01632435949 của H hỏi H có mất điện thoại không, L nói L mua được 01 điện thoại di động hiệu Samsung galaxy J7 Pro của người khác giá 3.700.000 đồng và đề nghị H chuộc lại với giá 4.000.000 đồng, H đồng ý.

Khoảng 06 giờ ngày 13/10/2018, L nhắn tin hỏi N “mày lừa lấy điện thoại của con H phải không” thì N trả lời “Ừ, nó lợi dụng tao để lấy tiền nên tao lừa lấy điện thoại của nó để bán lấy tiền tiêu xài”. Khoảng 21 giờ ngày 13/10/2018, L gọi điện thoại cho N nói đã bán được điện thoại với giá 2.700.000 đồng, L mượn 2.700.000 đồng của anh Đoàn D và nhờ anh D mang tiền đưa cho N, sau khi nhận được tiền, N đi uống rượu hết 1.550.000 đồng, số tiền còn lại 1.150.000 đồng bị thu giữ.

Sáng ngày 15/10/2018, L hẹn gặp H tại khu vực ngã 6 chùa G thuộc phường C, thành phố M, tỉnh Bình Dương để chuộc lại điện thoại thì phát hiện.

Theo kết luận định giá tài sản ngày 17/10/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Samsung galaxy J7 Pro màu vàng đồng đã qua sử dụng trị giá 6.210.000 đồng.

Ngày 17/12/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã C ra quyết định xử lý vật chứng trả cho bị hại H 4.000.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Samsung galaxy J7 Pro màu vàng.

Quá trình điều tra Nguyễn N tự nguyện nộp lại số tiền 2.700.000 đồng. Ngày 17/12/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã C đã giao trả cho Đoàn D số tiền 2.700.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 30/CT-VKS ngày 16/01/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Nguyễn N về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174; truy tố bị cáo Nguyễn L về tội “Tiêu

thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi như nội dung bản Cáo trạng truy tố và không có ý kiến gì khác.

Tại phần tranh luận:

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn N về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174; truy tố bị cáo Nguyễn L về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn N từ 10 tháng đến 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo.

Áp dụng khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn L từ 10 tháng đến 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo.

Các bị cáo không phát biểu ý kiến tranh luận với Kiểm sát viên, các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và của các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an thị xã C, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Những chứng cứ xác định có tội: Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, biên bản hỏi cung bị can cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có đủ cơ sở kết luận:

Do nghĩ bị hại lợi dụng mình để lấy tiền nên bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của bị hại Nguyễn H. Để thực hiện ý định trên, bị cáo nói dối Hằng cho bị cáo mượn điện thoại để gọi cho bạn hỏi mượn tiền, sau khi lấy được điện thoại N mang đi nhờ Liêm bán để lấy tiền tiêu xài. Đối với bị cáo L mặt dù biết

rõ điện thoại là do bị cáo N lừa lấy của bị hại nhưng bị cáo L vẫn mua điện thoại này với giá 2.700.000 đồng để bán lại cho bị hại với giá 4.000.000 đồng.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Hành vi của bị cáo N lợi dụng lòng tin của bị hại, nói dối để chiếm đoạt tài sản là 01 điện thoại di động hiệu Samsung galaxy J7 Pro với giá trị là 6.210.000 đồng và hành vi mua lại điện thoại do bị cáo N lừa đảo mà có của bị cáo L là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quan hệ sở hữu được pháp luật hình sự bảo vệ.

Do vậy, bản Cáo trạng số 30/CT-VKSBC ngày 16/01/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố bị cáo N về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174; truy tố bị cáo L về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Các bị cáo hoàn toàn đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt các bị cáo với mức án tương ứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội nhưng có xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của từng bị cáo nhằm giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội và phòng ngừa chung.

Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng

Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Điều 51 Bộ luật Hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Các bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, nếu không bắt các bị cáo đi chấp hành hình phạt tù thì không gây nguy hiểm cho xã hội. Do vậy, Hội đồng xét xử xem xét, áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho các bị cáo được hưởng án treo nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Từ các nhận định trên, xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều khoản, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hình phạt đối với các bị cáo là có căn cứ và phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của các bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì về phần dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về xử lý vật chứng: Đã giải quyết xong.

[6] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; bị cáo Nguyễn L phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Về hình phạt:

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo N 10 (mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 08 tháng, tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn N cho Ủy ban nhân dân phường P, thị xã C, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Nguyễn N thay đổi nơi cư trú thì áp dụng Khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự quy định để giám sát, giáo dục bị cáo.

Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn L 10 (mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 08 tháng, tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn L cho Ủy ban nhân dân xã Xuân T, huyện M, thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Nguyễn L thay đổi nơi cư trú thì áp dụng Khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự quy định để giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của Bản án trước và tổng hợp hình phạt của Bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Đã giải quyết xong.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã C;
- Chi cục THADS thị xã C;
- Công an thị xã Bến Cát;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

Nguyễn Văn Tiến

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Tiến

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tiến

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Duyên